TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HNGĐ – ST
Ngày: 30- 01 -2024
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà
Các Hội thẩm nhân dân: bà Trần Thị Chín và bà Lê Thị Thận
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng không tham giai phiên tòa.
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 195/2023/TLST- HNGĐ, ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXX - ST ngày 05 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: chị Triệu Thị Q, sinh năm: 1988
Địa chỉ: Thôn 9, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước
- Bị đơn: anh Bàn Văn D, sinh năm 1986
Địa chỉ: Thôn 9, xã B, huayện B, tỉnh Bình Phước
(Đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/10/2023 và trong quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn chị Triệu Thị Q trình bày:

Về Q hệ hôn nhân: Chị và anh Bàn Hữu D là vợ chồng, tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước theo giấy đăng ký kết hôn số 15, quyển số 02/2006, ngày 06/9/2006. Trong thời gian chung sống anh chị thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không có tiếng nói chung, bất đồng Q điểm sống, thường xuyên cải vã lẫn nhau, chị và anh D đã sống ly thân từ năm 2019 liên tục đến nay, trong thời gian sống ly thân không Q

tâm, chăm sóc lẫn nhau, kinh tế độc lập. Hiện nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bàn Hữu D.

Về con chung: Chị và anh D có 02 người con chung, họ tên là Bàn Phúc Hoàng H, sinh ngày 19/02/2007 và Bàn Thị Mỹ Ph sinh ngày 09/7/2013. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Bàn Phúc Hoàng H và Bàn Thị Mỹ Ph. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bàn Hữu D vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về Q hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của chị Triệu Thị Q yêu cầu được ly hôn với anh Bàn Hữu D có nơi ở hiện nay tại thôn 9, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Chị Q và anh D chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là Q hệ tranh chấp về ly hôn. Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn anh D đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Q có văn bản giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Q yêu cầu ly hôn với anh D, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Q và anh D tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn ngày 06/9/2006 tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống do vợ chồng không có sự hòa hợp, bất đồng Q điểm sống, thường xảy ra cãi vã, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Như vậy, chị Q và anh D đã có sự vi phạm về nghĩa vụ của người vợ, người chồng đối với nhau; cụ thể: không có sự thương yêu, Q tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống hòa thuận với nhau. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữa chị Q và anh D lâm vào tình trạng trầm trọng, hôn nhân không đạt được mục đích, nay chị Q yêu cầu ly hôn với anh D, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Q là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Q và anh D có 02 người con chung, họ tên là Bàn Phúc Hoàng H, sinh ngày 19/02/2007 và Bàn Thị Mỹ Ph sinh ngày 09/7/2013. Chị Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu H, Ph. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn *"nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên pH xem xét*

nguyện vọng của con". Xét thấy, tại biên bản lời khai cháu H và cháu Ph đều có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Q, vì vậy cần giao cháu: Bàn Phúc Hoàng H, sinh ngày 19/02/2007 và Bàn Thị Mỹ Ph sinh ngày 09/7/2013 cho chị Triệu Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Đương sự pH chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81,82,83,84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 131 Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1.Về Q hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Triệu Thị Q. Chị Triệu Thị Q được ly hôn với anh Bàn Hữu D.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 15, quyển số 02/2006, đăng ký ngày 06/9/2006 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước không còn hiệu lực khi Bản án hôn nhân gia đình về việc ly hôn của anh chị có hiệu lực pháp luật.

2.Về con chung: Giao các cháu: Bàn Phúc Hoàng H, sinh ngày 19/02/2007 và Bàn Thị Mỹ Ph sinh ngày 09/7/2013 cho chị Triệu Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3.Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4.Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5.Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Triệu Thị Q pH nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001284, ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Bình phước;
- VKSND h. Bù Đăng;
- CC THADS h. Bù Đăng;
- UBND xã (thị trấn);
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Thu Hà